TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2018/DS-ST
Ngày: 05/02/2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 503/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2016 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 510/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trần Kim H**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số 42/2 Tống Văn H, phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Kim H: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 39/8 đường số 12, khu phố 2, phường C, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Lê Thị X**, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: B6/7 ấp 2, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: B6/7 ấp 2, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Hà Thị T**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số 42/2 Tống Văn H, phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T và bà X có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Kim H có ông Phạm Văn T đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 20/11/2010, do có mối quan hệ quen biết nên ông Trần Kim H có cho bà Lê Thị X vay số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn hẹn đến cuối năm 2010, bà X sẽ hoàn trả cho ông H. Trong quá trình vay, bà X chưa trả cho ông H bất cứ số tiền nào. Hết hạn vay, ông H yêu cầu bà X hoàn trả số tiền trên nhưng bà X không trả. Trong giấy vay tiền ngày 20/11/2010, bà Lê Thị Đ có ký tên là ký với tư cách người làm chứng chứ không phải người vay tiền. Ông H chỉ cho bà X vay số tiền trên và chỉ yêu cầu bà X trả chứ không yêu cầu bà Điệp trả.

Nay ông đại diện cho ông H yêu cầu bà Lê Thị X hoàn trả cho ông H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu Th lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản tự khai ngày 05/5/2017 của bị đơn bà Lê Thị X trình bày: Vào ngày 20/11/2010, bà có vay của ông Trần Kim H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền hẹn đến Tết sẽ hoàn trả, không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình vay bà có trả tiền lãi hàng tháng 8.000.000 đ (Tám triệu đồng) cho ông H, trả lãi khoảng 03 năm nhưng việc trả lãi hai bên không có lập giấy tờ. Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên bà ngưng không trả tiền cho ông H từ đó cho đến nay.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu bà trả số tiền gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) thì bà đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả số tiền trên bằng cách góp mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên. Số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng mà bà vay của ông H là nợ riêng của cá nhân bà, bà sẽ có trách nhiệm trả, chồng bà đã chết từ năm 2003.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày: Bà là con ruột của bà Lê Thị X. Việc bà X vay tiền của ông H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) thì bà Điệp có biết và có ký tên là do ông H yêu cầu ký với tư cách là người làm chứng, thực chất bà Điệp không có nhận bất cứ số tiền nào của ông H, số tiền trên do bà X vay thì bà X có trách nhiệm trả cho ông H, bà Điệp không có liên quan đến số nợ trên nên bà Điệp yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Trần Kim H, việc vay tiền giữa ông H và bà X thì bà cho biết đây là việc riêng của ông H, bà xác định không liên quan đến việc vay tiền giữa ông H và bà X. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Vì sức khỏe kém nên bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Kim H khởi kiện tranh chấp về đòi lại tài sản với bà Lê Thị X. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lê Thị X cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo lời trình bày của ông Phạm Văn T thì vào ngày 20/11/2010, ông H có cho bà X vay số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) có lập giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến Tết bà X sẽ hoàn trả cho ông H số tiền trên. Trong quá trình vay, bà X chưa trả cho ông H bất cứ số tiền nào. Đã nhiều lần ông H yêu cầu bà X trả số tiền trên nhưng bà X cố tình né tránh, không trả.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Phạm Văn T yêu cầu bà Lê Thị X có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu Th lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng

theo luật định đối với bị đơn bà Lê Thị X. Bà X có đến Tòa làm bản tự khai, sau đó vắng mặt trong các buổi hòa giải và có mặt lần thứ hai tại phiên tòa xét xử hôm nay.

Theo lời trình bày của bà Lê Thị X thì vào ngày 20/11/2010, bà có vay của ông Trần Kim H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền hẹn đến Tết sẽ hoàn trả, không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình vay, bà có trả tiền lãi hàng tháng 8.000.000 đ (Tám triệu đồng) cho ông H, trả lãi khoảng 03 năm nhưng việc trả lãi hai bên không có lập giấy tờ. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà ngưng không trả tiền cho ông H từ đó cho đến nay. Nay tại Tòa, ông T đại diện ông H yêu cầu bà trả số tiền gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) thì bà đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả số tiền trên bằng cách góp mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên. Số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng mà bà vay của ông H là nợ riêng của cá nhân bà, bà sẽ có trách nhiệm trả, chồng bà đã chết từ năm 2003.

[4] Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 20/11/2010 ký giữa ông Trần Kim H và bà Lê Thị X với nội dung bà X mượn của ông H số tiền 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến Tết bà X sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H.

[5] Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

[6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*.

[7] Đối chiếu quy định như trên thì ông Trần Kim H yêu cầu bà Lê Thị X trả số tiền vay 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu Th lãi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bà X đề nghị được trả số tiền nợ vay 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) bằng cách góp mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên là không có cơ sở, gây thiệt hại cho ông H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà X.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị X có trách nhiệm trả cho ông Trần Kim

H số tiền nợ vay là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người phải thi hành án phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể bà Lê Thị X chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà X (70 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Lê Thị X.

Hoàn lại cho ông Trần Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020985 ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim H về việc yêu cầu bà Lê Thị X trả số tiền vay.

Buộc bà Lê Thị X có trách nhiệm trả cho ông Trần Kim H số tiền vay là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Trần Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020985 ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định